

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 547/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 08 năm 2026, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Màu Thị H**, sinh năm 1989, địa chỉ: **Số A, xóm H, N, xã A, Thành phố H**.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Xuân B**, sinh năm 1987, địa chỉ: **Xóm G, N, xã A, Thành phố H**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Giấy đăng ký kết hôn số 40/2011, quyển số 01/2011, đăng ký kết hôn tại **UBND xã A, huyện H, Thành phố H** nay là **UBND xã A, Thành phố H**.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 08 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 08 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Màu Thị H** và anh **Nguyễn Xuân B**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị **Màu Thị H** và anh **Nguyễn Xuân B** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Xuân C**, sinh ngày 06/02/2013 và cháu **Nguyễn Xuân P**, sinh ngày 21/08/2017.

Giao cả hai cháu cho anh **B** nuôi dưỡng. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **H** đến khi anh **B** có yêu cầu hoặc sự thay đổi khác. Chị **H** được qua lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

2.2. Về tài sản chung: Chị **H** và anh **B** có 01 mảnh đất thổ cư theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 045047, thửa đất số 116-1, tờ bản đồ số 02,

diện tích 59,3 m², địa chỉ: **Thôn N, xã A, huyện H, Thành phố H**, cấp ngày 28/8/2018 mang tên chủ sử dụng ông **Nguyễn Xuân B** và bà **Mâu Thị H**.

Tạm giao cho chị **H** quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 045047.

Khi hai con là cháu **Nguyễn Xuân C**, sinh ngày 06/02/2013 và cháu **Nguyễn Xuân P**, sinh ngày 21/08/2017, các cháu đủ 18 tuổi, anh **B** và chị **H** chia đều và sang tên, chuyển nhượng lại cho các con.

2.3. Về tài sản riêng: 02 mảnh đất canh tác đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 839324, thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: **Khu Đ, xã A, huyện H, Thành phố H**, diện tích 216 m², mang tên chủ sử dụng anh **Nguyễn Xuân B**, được **UBND huyện H** cấp ngày 26/4/2011; và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 839325, thửa đất số 25, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: **Khu Đ, xã A, huyện H, Thành phố H**, diện tích 216 m², được **UBND huyện H** cấp ngày 26/4/2011 là tài sản riêng của anh **Nguyễn Xuân B**.

2.4. Về công sức, công nợ: không có.

2.5. Về án phí: Chị **H** tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm trừ vào số tiền 300.000 đồng chị **H** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003894 ngày 13/08/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội, chị **H** được hoàn trả 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 8 - Hà Nội;
- THADS Thành phố Hà Nội
(Phòng THADS khu vực 8 - Hà Nội);
- UBND xã A, Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Thuý